

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Hôm nay, ngày 27 tháng 04 năm 2023, tại Hội trường tầng 9, tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (*sau đây gọi tắt là ĐHĐCĐ*) của Công ty cổ phần Sông Đà 9 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100845515.

I. Thành phần tham dự và tính hợp pháp, hợp lệ của ĐHĐCĐ

1. Thành phần tham dự:

- Tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ: Số cổ đông và đại diện theo ủy quyền của các cổ đông tham dự Đại hội tính đến thời điểm 08^h30 ngày 27/04/2023 là 17 cổ đông, nắm giữ 21.928.126 cổ phần chiếm 64,05% vốn điều lệ của Công ty.

2. Tính hợp pháp và hợp lệ của Đại hội:

Căn cứ khoản 1 điều 145 Luật Doanh nghiệp cuộc họp ĐHĐCĐ đã hợp pháp và đủ điều kiện để tiến hành.

- Số cổ đông tính đến thời điểm bỏ phiếu là 24 cổ đông nắm giữ 22.037.804 cổ phần chiếm 64,57% vốn điều lệ của Công ty.

II. Nội dung và chương trình Đại hội

1. Thông qua báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch SXKD 2022; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

2. Tờ trình báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của kiểm toán độc lập.

3. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022, kế hoạch chương trình công tác năm 2023 của HĐQT Công ty.

4. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023.

5. Tờ trình đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 và ủy quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán.

6. Tờ trình Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022.

7. Tờ trình Thông qua Báo cáo quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký công ty năm 2022; phương án trả lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023.

8. Thảo luận tại Đại hội.
9. Thông qua Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ

III. Diễn Biến Đại Hội:

A. Thủ tục tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ:

1. Ban kiểm tra tư cách cổ cổ đông báo cáo trước Đại hội về tình hình cổ đông tham dự Đại hội và điều kiện tiến hành Đại hội.
2. Ban tổ chức tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu tham dự.
3. Ban tổ chức giới thiệu Ban chủ tọa gồm:

- Ông Trần Thế Quang	- Chủ tịch HĐQT	- Chủ tọa Đại hội
- Ông Nguyễn Hải Sơn	- TVHĐQT - TGĐ	- Thành viên
- Ông Lê Hải Đoàn	- TVHĐQT	- Thành viên

Thành phần Ban chủ tọa được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua bằng hình thức giơ tay tại Đại hội – đạt tỷ lệ 100% đồng ý.

4. Chủ tọa Đại hội chỉ định Ban thư ký Đại hội gồm

- Ông Phạm Thùy Dương	- PP TCKT	- Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Thùy	- Phòng KTPC	- Thành viên

5. Chủ tọa Đại hội đề cử Ban kiểm phiếu như sau:

- Ông Lê Đăng Quân	- CTCD cty	- Trưởng ban
- Bà Trần Thị Chung	- PP. TCKT	- Thành viên
- Bà Lê Thị Kim Ngân	- TP. TCNS	- Thành viên
- Ông Nguyễn Văn Nghiệp	- P. PKTPC	- Thành viên
- Bà Lê Thị Thanh Hiến Yên	- P. KTPC	- Thành viên
- Bà Phùng Thị Minh Nghĩa	- P. TCKT	- Thành viên

Thành phần Ban kiểm phiếu được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua bằng hình thức giơ tay tại Đại hội – đạt tỷ lệ 100%.

6. Ban chủ tọa báo cáo Chương trình và Quy chế tổ chức đại hội.

Ông Lê Hải Đoàn – thành viên HĐQT báo cáo trước Đại hội Chương trình Đại hội và Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên Công ty cổ phần Sông Đà 9 năm 2023 và được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua bằng hình thức giơ tay tại Đại hội - đạt tỷ lệ 100%.

B. Các nội dung trình ĐHĐCĐ thông qua:

1. Ông Nguyễn Hải Sơn - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc công ty trình bày (1) báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 (2) Báo cáo kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Kiểm toán độc lập

2. Ông Trần Thế Quang - Chủ tịch HĐQT báo cáo trình ĐHĐCĐ hoạt động HĐQT năm 2022 và kế hoạch, chương trình công tác của HĐQT năm 2023.

3. Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Trưởng ban Kiểm soát công ty báo cáo trình ĐHĐCĐ thông qua:

3.1. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát công ty năm 2022, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023;

3.2. Tờ trình ĐHĐCĐ lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2023.

4. Ông Nguyễn Hải Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc công ty báo cáo trình ĐHĐCĐ thông qua:

4.1. Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022;

4.2. Quyết toán tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký năm 2022; phương án chi trả lương và thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, 2023;

C. Các ý kiến thảo luận tại Đại hội:

Tại Đại hội có 03 cổ đông chất vấn Ban chủ tọa và đề nghị giải trình các nội dung sau:

- Kế hoạch ngành nghề trong hoạt động xây lắp các năm tiếp theo.
- Giá vốn xây lắp năm 2022 tăng cao.
- Phương án chi trả cổ tức cho các cổ đông các năm còn nợ cổ tức.
- Giải trình về kế hoạch lợi nhuận và trả cổ tức năm 2023.
- Đề nghị đăng công khai sản lượng điện lên trang websites của Công ty.

Các ý kiến kiến nghị của cổ đông đã được Ban chủ tọa giải trình chi tiết tại Đại hội và các cổ đông không có ý kiến nào khác.

Cổ đông nắm chi phối Tổng công ty Sông Đà - CTCP có ý kiến: Năm 2022 Công ty cổ phần Sông Đà 9 đã có cố gắng và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo kế hoạch đã đặt ra, đặc biệt là chỉ đạo vận hành an toàn và hiệu quả 05 nhà máy thủy điện. Năm 2023, đề nghị đơn vị tập trung vào các nhiệm vụ chính:

- Tái cấu trúc các khoản đầu tư;
- Xem xét công tác đầu tư Dự án đầu tư thủy điện Nậm Khánh B.
- Công tác đầu tư mở rộng thủy điện Nậm Mu.
- Tập trung thu vốn các công trình Xekaman 1, Nậm Thuen.

D. Kết quả biểu quyết các nội dung trình ĐHĐCĐ

Sau phần thảo luận, Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu.

1. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023. Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023.

Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 23 phiếu tương ứng với 22.015.204 cổ phần chiếm 99,90.% cổ phần tham dự Đại hội
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu.
- Số phiếu tán thành: 19 phiếu tương ứng với 20.206.504 cổ phần chiếm 91,69 % cổ phần tham dự Đại hội.
- Số phiếu không tán thành: 03 phiếu tương ứng với 1.765.100 cổ phần chiếm 8,01% cổ phần tham dự Đại hội.
- Số phiếu không có ý kiến: 01 phiếu, tương ứng với 43.600 cổ phần chiếm 0,2% cổ phần tham dự Đại hội.

Kết luận: Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Tờ trình kết quả báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty kiểm toán độc lập. Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023.

Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 23 phiếu tương ứng với 22.015.204 cổ phần chiếm 99,90.% cổ phần tham dự Đại hội
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu.
- Số phiếu tán thành: 20 phiếu tương ứng với 20.395.504 cổ phần chiếm 92,55 cổ phần tham dự Đại hội
- Số phiếu không tán thành: 03 phiếu, tương ứng với 1.619.700 cổ phần chiếm 7,35 cổ phần tham dự Đại hội
- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu

Kết luận: Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty kiểm toán độc lập đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022; kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2023. Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023.

Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 23 phiếu tương ứng với 22.015.204 cổ phần chiếm 99,90.% cổ phần tham dự Đại hội
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu.

- Số phiếu tán thành: 19 phiếu tương ứng với 20.351.904 cổ phần chiếm 92,35 cổ phần tham dự Đại hội
- Số phiếu không tán thành: 03 phiếu, tương ứng với 1.619.700 cổ phần chiếm 7,35 cổ phần tham dự Đại hội
- Số phiếu không có ý kiến: 01 phiếu, tương ứng với 43.600 cổ phần chiếm 0,2% cổ phần tham dự Đại hội.

Kết luận: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022; kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông thông qua

4. Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty năm 2022; kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2023. Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023.

Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.

- Số phiếu hợp lệ: 23 phiếu tương ứng với 22.015.204 cổ phần chiếm 99,90.% cổ phần tham dự Đại hội
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu.

- Số phiếu tán thành: 20 phiếu tương ứng với 20.395.504 cổ phần chiếm 92,55 cổ phần tham dự Đại hội
- Số phiếu không tán thành: 03 phiếu, tương ứng với 1.619.700 cổ phần chiếm 7,35 cổ phần tham dự Đại hội
- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu

Kết luận: Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty năm 2022; kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023. Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023.

Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 23 phiếu tương ứng với 22.015.204 cổ phần chiếm 99,90.% cổ phần tham dự Đại hội
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu.

- Số phiếu tán thành: 22 phiếu tương ứng với 21.980.604 cổ phần chiếm 99,74% cổ phần tham dự Đại hội
- Số phiếu không tán thành: 01 phiếu tương ứng với 34.600 cổ phần chiếm 0,16% cổ phần tham dự Đại hội
- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu.

Kết luận: Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022. Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023.

Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết. .

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 23 phiếu tương ứng với 22.015.204 cổ phần chiếm 99,90.% cổ phần tham dự Đại hội
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu.
- Số phiếu tán thành: 20 phiếu tương ứng với 20.395.504 cổ phần chiếm 92,55 cổ phần tham dự Đại hội
- Số phiếu không tán thành: 03 phiếu, tương ứng với 1.619.700 cổ phần chiếm 7,35 cổ phần tham dự Đại hội
- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu.

Kết luận: Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thu ký năm 2022; phương án trả lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023. Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023.

Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết. .

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 23 phiếu tương ứng với 22.015.204 cổ phần chiếm 99,90.% cổ phần tham dự Đại hội
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu.
- Số phiếu tán thành: 23 phiếu tương ứng với 22.015.204 cổ phần chiếm 99,90 cổ phần tham dự Đại hội
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu.
- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu

Kết luận: Quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thu ký năm 2022; phương án trả lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

E. Ông Phạm Thùy Dương thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023.

Biên bản được lập xong vào hồi 11^h30 phút cùng ngày, toàn văn Biên bản và Nghị quyết được thông qua trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và được Đại hội đồng cổ đông thông qua đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

TM. BAN THƯ KÝ



Phạm Thùy Dương

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
ĐOÀN CHỦ TỊCH



Trần Thế Quang



NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các Nghị định hướng dẫn Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/BB/ĐHĐCĐ của Đại hội Đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Sông Đà 9 năm 2023 ngày 27/04/2023,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Sông Đà 9 năm 2023 thống nhất biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

1.1 Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

- Tổng giá trị SXKD : 464/KH 634 tỷ đồng đạt 73% KH năm
- Tổng doanh thu : 475/KH 579 tỷ đồng đạt 82% KH năm
- Lợi nhuận trước thuế : 10,5 /KH 10 tỷ đồng đạt 105% KH năm
- Lợi nhuận sau thuế : 10,227/ KH 9,6 tỷ đồng đạt 106,5% KH năm
- Nộp ngân sách : 41/KH 42 tỷ đồng đạt 98% KH năm
- Thu nhập bình quân : 11,3 trđ/KH 11,7 trđ/ng/tháng đạt 97% KH.
- Chi trả cổ tức : 2,5%/KH 2,5% đạt 100% KH năm.

1.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

- Giá trị sản xuất kinh doanh : 486 tỷ đồng;
- Doanh thu : 489 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 12,5 tỷ đồng;
- Nộp ngân sách : 41 tỷ đồng;
- Tỷ lệ cổ tức : 2,5%

Chi tiết như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông.



2. Thông qua báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của công ty kiểm toán độc lập. *Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023.*

3. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022; kế hoạch chương trình công tác của Hội đồng quản trị Công ty năm 2023. *Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023.*

4. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2022; kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2023. *Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023.*

5. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn 1 trong 4 đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2023 bao gồm:

- Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY);
- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA);
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO)

6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế	10,485,500,445
2	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	261,015,674
3	Lợi nhuận sau thuế (4=1-2-3)	10,224,484,771
4	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	1,235,045,048
5	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% LN phân phối)	1,022,448,477
6	Lợi nhuận chia cổ tức 2,5% (83,7%LN phân phối)	8,558,500,000
8	Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền	2,5%
10	Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối	1,878,581,342

7. Thông qua báo cáo chi trả tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Thụ ký năm 2022; phương án trả lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023.

7.1. Tổng mức chi trả tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thụ ký Công ty năm 2022: 977.000.000 đồng tương đương 100% KH , mức chi trả thực hiện theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 đã thông qua.

7.2. Chi trả lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty năm 2023:

08455
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CỔ PHÂN
HỮU NGHĨ
LIÊN

TT	Chức danh	Mức thù lao/tháng (đồng)	Mức lương/tháng (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách		45.000.000
2	TB Kiểm soát không chuyên trách	7.000.000	
3	Thành viên Hội đồng quản trị	5.000.000	
4	Thành viên Ban Kiểm soát	3.000.000	

- Lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch thì mức tiền lương, thù lao thực hiện được xác định bằng mức tiền lương, thù lao kế hoạch như trên.

- Lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch, mức tiền lương, thù lao tính thêm tối đa bằng 2%, nhưng không quá 20%.

- Trường hợp lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện giảm so với kế hoạch, mức tiền lương, thù lao giảm trừ bằng 1% so với mức tiền lương, thù lao kế hoạch. Mức lương, thù lao thấp nhất không thấp hơn 70% lương, thù lao kế hoạch

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông Công ty giao cho Hội đồng quản trị công ty chỉ đạo thực hiện các nội dung trên theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức & hoạt động của công ty.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng nghiệp vụ công ty, Giám đốc các đơn vị trực thuộc căn cứ quyết nghị thực hiện./

Nơi nhận:

- UBCK NN, SGDCCKHN;
- Cổ đông công ty;
- Như điều 3;
- Lưu HĐQT, TCNS.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Trần Thế Quang



Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2022
KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023

PHẦN THỨ NHẤT
KIỂM ĐIỂM TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2022

I. Kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- **Tổng giá trị SXKD:** Công ty mẹ (SD 9) đạt 464 tỷ/634 tỷ đạt 73% KH năm. Toàn tổ hợp (SD9 + Nậm Mu) đạt 658,5 tỷ/810 tỷ đạt 81% KH năm
- **Doanh thu:** Công ty mẹ đạt 475 tỷ/579 tỷ đạt 82% KH năm. Toàn tổ hợp đạt 653 tỷ/739 tỷ đạt 88% KH năm.
- **Lợi nhuận trước thuế:** Công ty mẹ đạt 10,5 tỷ/10 tỷ đạt 105% KH năm. Toàn tổ hợp đạt 81,7 tỷ/75,7 tỷ đạt 108% KH năm.
- **Nộp Ngân sách:** Công ty mẹ đạt 40,9 tỷ/41,6 tỷ đạt 98% KH năm. Toàn tổ hợp đạt 87,7 tỷ/87,5 tỷ đạt 100% KH năm.
- **Thu nhập bình quân:** Toàn tổ hợp đạt 11,4 triệu đồng/người/tháng/KH 11,6 triệu đồng/người/tháng đạt 98% KH năm

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2022				Thực hiện năm 2022				Tỷ lệ hoàn thành (%)		
			Tổ hợp	Cty mẹ	Cty con	Tổ hợp	Tổ hợp	Cty mẹ	Cty con	Tổ hợp	Cty mẹ	Cty con	
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	810	634	176	658	464	194	81	73	110		
2	Doanh thu	“	739	579	160	653	475	178	88	82	111		
3	Tiền về tài khoản	“	728	555	173	761	540	221	105	97	128		
4	Nộp Ngân sách	“	87	42	46	88	41	47	102	98	102		
5	Lợi nhuận trước thuế	“	75,7	10	65,7	81,7	10,5	71,2	108	105	108		
6	Tỷ lệ cổ tức			2,5	22		2,5	24		100	109		
7	Thu nhập bq CBCNV/tháng	“	11,6	11,7	11,4	11,4	11,3	11,8	98	97	104		

II.Đánh giá chung về thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2022:

1. Kết quả thực hiện khối lượng chủ yếu:

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2022		
			Thực hiện	Kế hoạch	%HT
1	Bê tông CVC	m ³	30.227	29.048	104
2	Đào đất đá	m ³	284.124	1.753.858	16
3	Đắp đất đá	m ³	35.379	473.116	7
4	Gia cố bằng cọc BTCT	m	21.177	33.954	62
5	Sản lượng điện	10 ⁶ kw	330	279	118

2. Kết quả thực hiện sản lượng các công trình:

STT	Công trình	Thực hiện (tỷ đồng)	Kế hoạch (tỷ đồng)	%HT
1	Dự án Pa Ke	25	15,7	159
2	Gói F2 Cải tạo kênh	64	170	38
3	Hồ chứa nước Cánh Tạng	35,4	17,8	198
4	Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá (Gói 3+4)	5,2	70,4	7
5	Công trình Hòa Liên	57,7	59,4	97
6	Thanh Thái Sơn La	5,9	10	59
7	Công trình Hương Điền	13,9	15,4	90
8	Sản xuất điện Pake + Nậm Khánh	203	170	119
9	Sản xuất điện Nậm Mu	194	176	110
10	Kinh doanh nhà, cho thuê XMTM, hoạt động tài chính và hoạt động khác	52	31	169

3. Kết quả thực hiện các mục tiêu tiến độ:

3.1. Dự án Pake:

- Đã hoàn thành toàn bộ thủ tục và cấp Giấy CNQSDĐ khu vực lòng hồ và đường dây 110KV trong quý I/2022
- Hoàn thành xây dựng, bàn giao nhà làm việc, nhà ở, bảo vệ. đang hoàn thiện cảnh quan quanh nhà máy
- Đảm bảo giao thông trong công trường, thanh thải lòng sông đảm bảo phát điện an toàn hiệu quả.
- Hoàn thành thi công ngăn lộ mở rộng trạm 110Kv huyện Xin Mần - Hà Giang.

3.2. Gói thầu F2 - Cải tạo kênh:

- + Hoàn thành 21.177md/48.415md cọc BTCT gia cố bờ kênh, đạt 44% KH năm.
- + Hoàn thành 4.483m³/8.510m³ bê tông CVC các loại, đạt 53%KH năm.

- + Thi công cừ Larsen đạt 30.105md/61.016md, đạt 49% KH năm.
- + Hoàn thiện lát vỉa hè, rào chắn toàn bộ bờ trái, và 1 phần bờ phải kênh Tàu hũ, kênh ngang số 3.

Lũy kế đến hết năm 2022 đạt 80% khối lượng thi công phần đóng cọc, gia cố, cảnh quan của gói thầu

*** Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:**

- + Vướng mắc việc Di dời viễn thông đường Bình Đông từ trạm buýt đường thủy đến cầu kênh Ngang số 2 và 1 số điểm xung đột cầu đi, bộ, trạm buýt đường thủy
- + Công tác đóng cọc SW400, D500, D600 vướng mắc mặt bằng khu nhà cổ, thi công dưới đường điện cao thế 110KV gặp khó khăn, cung cấp cọc nhà thầu phụ chưa kịp thời.

3.3. Hồ chứa nước Cảnh Tạng:

- + Hoàn thành 89% khối lượng thi công bê tông đập chính 2.476m³/2.790m³.
- + Hoàn thành 97% khối lượng thi công bê tông đầu tràn 7.700m³/7.922m³.
- + Đạt 44% khối lượng thi công bê tông gia cố mái đập tràn 558m³/1.280m³.

*** Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:**

- Hạng mục đập chính vướng mắc mặt bằng thi công do thay đổi mục tiêu chặn dòng của dự án.

3.4. Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá (Gói 3+4):

- + Không hoàn thành kế hoạch đề ra.

*** Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:**

- Công tác nghiệm thu bị kéo dài do sự phối hợp giữa BDH và các đội thi công chậm chễ. Công tác nội nghiệp làm hồ sơ nghiệm thu không đáp ứng được công tác thi công tại hiện trường.
- Công tác khảo sát, lập bản vẽ thi công, phê duyệt bản vẽ thi công bị kéo dài (trình tự thủ tục nhiều bước; có sự điều chỉnh so với TKKT; sự phối hợp giữa BDH, Nhà thầu phụ khảo sát, Nhà thầu phụ thiết kế còn gặp nhiều lúng túng).
- Quá trình xin cấp phép thi công gặp nhiều khó khăn do trong phạm vi thi công có nhiều đơn vị chủ quản khác nhau, hồ sơ xin cấp phép khác nhau.

3.5. Công trình Hòa Liên:

- + Hoàn thành 100% khối lượng tháo dỡ đê quai 9.134m³/9.134m³.
- + Hoàn thành 109% khối lượng bê tông CVC 4.860m³/4.452m³.
- + Hoàn thành 142% khối lượng khoan phụt, khoan chống thấm gia cố.
- + Hoàn thành cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công.
- + Hoàn thành toàn bộ hệ thống giám sát hồ chứa; hệ thống thiết bị chiếu sáng, thiết bị điện.

Kết thúc năm 2022 đã hoàn thiện, nghiệm thu kỹ thuật công trình.

3.6. Thanh thải thủy điện Sơn La

- + Đào xúc đất các loại đạt 109.640m³/165.281m³ đạt 66% KH năm.

+ Đào phá đá đạt 12.100m³/17.377m³ đạt 70% KH năm.

* **Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:**

- Công trình tạm dừng thi công từ ngày 23/4/2022, ngày 29/4/2022 CĐT có văn bản tạm dừng thi công gói thầu do không thể bố trí dừng phát điện để tiến hành thi công.

3.7. Công trình Hương Điền

+ Hoàn thành công tác đào xúc đất các loại 76.205m³/76.205m³.

+ Hoàn thành lắp đặt lưới thép B40, 23.200m³/25.243m² đạt 92% KH.

+ Hoàn thành phun vẩy gia cố và khoan cắm neo gia cố.

Hoàn thành thi công và quyết toán công trình

4. Đánh giá chung các mặt quản lý:

4.1 Công tác Tài chính

- Đảm bảo cân đối nguồn tài chính cho công tác thi công, cân đối vay và trả nợ vay dài hạn, ngắn hạn các Ngân hàng, ko phát sinh nợ xấu

- Đã quyết toán các công trình do TCT Sông Đà làm tổng thầu và thanh toán được 1 phần công nợ với số tiền là 128 tỷ đồng, tiền thu vốn đa phần cân đối trả nợ ngắn hạn ngân hàng giảm dư nợ vay từ 391,5 tỷ xuống còn 282,9 tỷđ (giảm 108,6 tỷ)

- Hoàn thành công tác tái cấu trúc khoản vay và tái cấp hạn mức ngắn hạn mới đối với các ngân hàng.

- Công tác cơ cấu các khoản vay dài hạn : Hiện đang làm việc với BIDV Hà Đông để thực hiện cơ cấu lại khoản vay dài hạn dự án thủy điện Pake để bổ sung nguồn vốn còn thiếu của dự án .

- Hoàn thành 100% mục tiêu tiền về hàng tháng đề ra đối với các công trình đang thi công.

- Đã thực hiện lập, trình TCT Sông Đà đề án tái cấu trúc tài chính, tái cấu trúc Doanh nghiệp giai đoạn 2023-2027.

4.2 Công tác quản lý dự án Pake

- Vận hành an toàn, tận dụng tối đa nguồn nước, tập trung phát giờ cao điểm khi nguồn nước hạn chế và sản lượng đã đạt vượt kế hoạch đề ra đạt 119% KH năm.

- Thực hiện được 95% công tác quyết toán: Quyết toán xong 87/87 gói thầu xây lắp tự thực hiện; 04/04 gói thầu xây lắp thuê ngoài; 5/5 gói thầu thiết bị, chi phí tư vấn và chi phí khác 50/88 mục kiểm toán đang xem xét.

4.3 Công tác Tổ chức, nhân sự, công nghệ thông tin:

- Về công tác tổ chức, thực hiện chế độ chính sách cho NLD: Tăng cường công tác truyền thông chế độ, chính sách giúp người lao động nắm bắt và hiểu rõ quyền lợi, trách nhiệm cố gắng thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

- Bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người lao động, thực hiện tốt chế độ cho NLD theo nội quy lao động và thỏa ước LĐ tập thể , công tác BHXH và tiền lương đã được chú trọng.

- Về công tác tuyển dụng, nghỉ việc: Trong năm 2022 tuyển dụng 14 người; nghỉ việc 94 người do sắp xếp lại nhân sự.
- Về Công nghệ thông tin: Đã ký thỏa thuận hợp tác chuyển đổi số, nâng cấp phần mềm SmartOffice, triển khai phần mềm quản lý nhân lực s.HRM.

4.4 Công tác Kinh tế - Pháp chế

- Quyết toán xong các công trình: Lai Châu, Huội Quảng, Nậm Chiến, Sơn La, Hòa Na. Các công trình chưa hoàn thành quyết toán: Xekaman1, Xekaman 3, Nậm Theun1, Nhà Quốc hội.
- Hoàn thành công tác thu vốn các công trình được giao: Cánh Tạng, Sơn La.
- Làm việc với đại diện liên danh nhà thầu dự án Namtheun 1, thống nhất các khối lượng giá trị đã thực hiện chưa thu, khối lượng phát sinh, bồi thường do chấm dứt hợp đồng.
- Hoàn thành công tác báo cáo kế hoạch SXKD, tháng, quý, năm.
- Thương thảo, đàm phán và kiểm soát công tác hợp đồng trong toàn Công ty theo đúng quy định phân cấp quản lý hợp đồng của TCT, Công ty và pháp luật hiện hành.
- Xây dựng giá thành phục vụ công tác đấu thầu, khoán đội công trình.
- Báo cáo Quản trị rủi ro hợp đồng các gói thầu Công ty đang thi công hàng tuần, tháng, quý, năm.

4.5 Công tác Kỹ thuật

- Đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường trên các công trình, 100% các công trường không để xảy ra mất ATLD.
- Công tác nghiệm thu, thu vốn tại các công trình, dự án đạt kết quả cao như công trình Cánh Tạng đạt 110% KH, Pake, Hương Điền, Hòa Liên đạt 100%KH, riêng F2 đạt 44% do công trình chậm tiến độ, hoàn thành công tác quyết toán khối lượng tại Xekaman 1, Đắc My, Bản Lài, Tân Mỹ.
- Tiến độ thi công các công trình được đảm bảo, trong đó Hòa Liên, Cánh Tạng, Hương Điền đạt 95%KH, riêng các gói thầu hạ tầng đô thị còn chậm như F2, Gói 3+4 Yên Xá.

4.6 Công tác Cơ giới

- Cân đối và điều chuyển XMTB bảo đảm năng lực thi công trên các công trường Hòa Liên, Cánh Tạng, Pake;
- Xây dựng kế hoạch sử dụng, mua sắm VTPT, VL hàng tháng, quý phục vụ nhu cầu thi công trên các công trình.
- Rà soát, lập hồ sơ trình Tổng Công ty xin thanh lý các TSCĐ hư hỏng nặng không có khả năng phục hồi, hiện tại hồ sơ đang trình TCT thông qua.
- Sắp xếp lại các kho toàn Công ty, tập trung XMTB tại 3 địa điểm chính phục vụ công tác quản lý và sửa chữa.
- Lập phương án sửa chữa, phục hồi đối với các XMTB còn hoạt động, kế hoạch sửa chữa đảm bảo từ 5-6 dây chuyên thi công cơ giới.

- Đẩy mạnh việc quản lý, cho thuê XMTB, giá trị cho thuê XMTB năm 2022 đạt 7,4 tỷ đồng.

4.7 Công tác Đấu thầu

- Duy trì và củng cố các mối quan hệ tốt với các Chủ đầu tư quản lý các nguồn vốn nhà nước nhằm tiếp cận với các dự án mới đã nằm trong quy hoạch của Nhà nước; Tiếp thị, tìm kiếm, mở rộng dựa trên các mối quan hệ với Chủ đầu tư nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam, khẳng định năng lực, thế mạnh của Sông Đà 9 tại các dự án hiện tại để có cơ hội tham gia vào các dự án mới; Duy trì và phát triển thị trường nước ngoài truyền thống tại CHDCND Lào.

4.8 Công tác sản xuất công nghiệp:

- Đảm bảo an toàn quy trình vận hành các nhà máy thủy điện theo đúng quy định; các tổ máy hoạt động ổn định, liên tục, tận dụng tối đa nguồn nước, đảm bảo đầy mạnh sản lượng đạt và vượt kế hoạch đề ra.

PHẦN THỨ HAI
KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023

I. Kế hoạch SXKD năm 2023:

1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu.

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch SXKD năm 2023	
			Tổ hợp	Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	664	486
	<i>Trong đó:</i>	“		
-	Thủy điện Pake	“	28,5	28,5
-	Gói F2 Cải tạo kênh	“	113,6	113,6
-	Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá	“	42	42
-	Thanh Thái Sơn La	“	2,8	2,8
-	Công trình dự kiến	“	70	70
-	Giá trị sản xuất điện	“	357	180
-	Cho thuê văn phòng, cho thuê XMTB và hoạt động tài chính		50	49
2	Doanh thu	“	651	489
3	Tiền về tài khoản	“	767	590
4	Nộp Ngân sách	“	86,5	41
5	Lợi nhuận trước thuế	“	78,8	12,5
6	Tỷ lệ cổ tức	%		2,5
7	Thu nhập bq CBCNV/tháng	10 ⁶ đ	11,7	11,4

(Có bảng chi tiết kèm theo: Biểu số KH-01, Biểu số KH-02, Biểu số TC-01)

2. Khối lượng thi công chính:

TT	Nội dung	ĐVT	Khối lượng năm 2023
1	Bê tông CVC	m ³	27.771
2	Đào đất đá	m ³	480.217
3	Đắp đất, đá, cát	m ³	298.238
4	Gia cố bằng cọc BTCT	m	19.700
5	Cống thoát nước (Yên Xá)	m	1.325
6	Sản lượng điện Pake, Nậm Khánh	10 ⁶ kw	134
7	Sản xuất điện Nậm Mu	10 ⁶ kw	145

3. Mục tiêu, tiến độ chủ yếu:

3.1. Thủy điện PaKe:

- Thi công toàn bộ bê tông ốp mái gia cố trước 31/03/23.
- Hoàn thành bê tông hạ lưu tràn trước 28/02/23.
- Hoàn thành việc khoan thoát nước mái trước 31/03/23.
- Hoàn thành việc khoan, lắp đặt neo thép gia cố mái trước 15/03/23.
- Hoàn thành phun vẩy gia cố loại 10cm, 5cm trước 30/04/23.

3.2. Gói thầu F2 - Cải tạo kênh:

- Thi công đóng cọc, gia cố bờ kè, cảnh quan xong trước 30/9/2003
- Nạo vét xong trước 31/12/2023

Mục tiêu : Hoàn thành bàn giao công trình trước 31/12/2023

3.3. Công trình Yên Xá (gói 4):

- Thi công phá dỡ, lắp đặt và hoàn trả tuyến cống Thanh Bình B xong trước tháng 10/2023; tuyến cống treo xong trước tháng 12/2023; tuyến Thanh Bình C đạt 70% tổng khối lượng từ HG41.0 đến HD41.3.
- Thi công hồ ga, giếng tách song song với tiến độ của tuyến cống.

3.4. Thanh thải Sơn La

- Hoàn thành công tác thi công trước 31/5/2023.

II. Các nhiệm vụ trọng tâm năm 2023:

- Tiếp thị, tìm kiếm việc làm cho năm 2023 và các năm tiếp theo;
- Khai thác và quản lý có hiệu quả tài sản chiến lược của Công ty là các nhà máy thủy điện.
- Ứng dụng công nghệ mới trong quản lý và tổ chức thi công các công trình có tính kỹ thuật cao, đảm bảo sơ đồ chuyển đổi ngành nghề xây lắp của công ty: đê kè, sông biển, thủy điện vừa và nhỏ và các công trình có đập bê tông đầm lăn, dự án liên quan đến biến đổi khí hậu.
- Cơ cấu lại khoản đầu tư tài chính/tài sản của Công ty: Thoái vốn tại các công ty có cổ phần vốn góp dưới 20% của Công ty cổ phần Sông Đà 9.
- Cân đối, thu xếp vốn kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Mở rộng và xây dựng mối quan hệ với các tổ chức tín dụng để đảm bảo đa dạng về nguồn vốn với chi phí vay thấp.
- Xây dựng phương án chi tiết cho công tác thu hồi công nợ và giảm giá trị dở dang các công trình đã và đang thi công. Quản lý có hiệu quả và kiểm soát rủi ro các công trình mới.
- Đẩy mạnh công tác khoán quản trong đơn vị, công trình trên cơ sở phân tích, hạch toán.
- Xử lý các kho, xưởng tại các công trường không còn giá trị sử dụng để giảm chi phí kho bãi và các chi phí khác; không đầu tư dàn trải, giải quyết tồn kho.
- Nâng cao giá trị doanh nghiệp sau khi cơ cấu lại công ty; áp dụng công nghệ trong công tác quản lý điều hành. Xây dựng đội ngũ quản lý với năng lực lãnh đạo, quản lý

điều hành đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp sau khi cơ cấu lại công ty để phục hồi tăng trưởng.

IV. Các giải pháp để hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm năm 2023:

1. Công tác Tiếp thị đấu thầu, tìm kiếm việc làm
 - Tăng cường công tác tiếp thị đấu thầu, tìm kiếm việc làm, đặc biệt chú trọng đến các lĩnh vực như: đê kè sông biển, thủy điện vừa và nhỏ, các công trình có đập bê tông đầm lăn, dự án liên quan đến biến đổi khí hậu.
 - Đối với thị trường trong nước: Duy trì mối quan hệ tốt với các Chủ đầu tư truyền thống, có tiềm lực tài chính tốt để có thể tiếp cận được các dự án mới ngay khi triển khai. Tận dụng và phát huy uy tín của Sông Đà 9 để tìm kiếm việc làm cho năm 2023 và các năm tiếp theo.
 - Đối với thị trường Quốc tế: Thực hiện thu thập, nghiên cứu mở rộng thị trường tại Lào. Tiếp cận Chủ đầu tư truyền thống và tiềm năng để tìm kiếm dự án mới. Tiếp thị đấu thầu/chào giá làm thầu phụ các dự án của các đối tác Hàn Quốc.
 - Mục tiêu đấu thầu công trình mới đạt từ 200 đến 300 tỷ đồng.
2. Công tác tổ chức và đổi mới sắp xếp doanh nghiệp
 - Tiếp tục hoàn thiện, đánh giá những tồn tại của mô hình quản lý đang áp dụng để có các giải pháp kịp thời phù hợp với mô hình SXKD
 - Ban hành kịp thời, đầy đủ các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với mô hình quản lý thực tế và các thay đổi trong chính sách của Nhà nước.
 - Xây dựng lại mô hình tổ chức phù hợp với quy mô ngành nghề giai đoạn 2023-2025 của Công ty.
 - Cân đối nhu cầu nhân lực hiện có tại các công trình để thực hiện các giải pháp tuyển dụng, sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực tại các công trình, dự án.
3. Các giải pháp Tài chính
 - Thực hiện cơ cấu lại các khoản đầu tư/tài sản của Công ty giai đoạn 2023-2027:
 - + Đối với các khoản đầu tư khác ra ngoài doanh nghiệp, cập nhật các quy định của pháp luật về hướng dẫn công tác thoái vốn để xây dựng phương án thoái vốn ngay khi đủ điều kiện thực hiện;
 - + Đối với các tài sản khác: Tiếp tục thực hiện các thủ tục để hoàn thành thanh lý các tài sản cố định hư hỏng, không sử dụng.
 - Tiếp tục làm việc với các Ngân hàng tái cấu trúc khoản vay và tái cấp hạn mức. Trong đó:
 - + Làm việc với các ngân hàng để có cấu lại khoản vay, căn cứ kế hoạch ngắn hạn của tiền về để đàm phán kế hoạch chi trả các khoản lãi, nợ gốc đến hạn trong năm.
 - + Trên cơ sở các hợp đồng ký mới đàm phán với các ngân hàng hiện hữu để tái cấp hạn mức phục vụ thi công các công trình mới
 - + Thực hiện tái cấu trúc khoản vay dài hạn của dự án đầu tư.
 - Bám sát, chủ động đôn đốc công tác thu vốn, tiền về các công trường, khẩn trương báo cáo và đề xuất giải quyết các vướng mắc để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động SXKD. Phân công, giao trách nhiệm cụ thể cho từng cá nhân phụ trách công tác thu

vốn, đơn đốc tiền về, cũng như khen thưởng kịp thời đối với các cá nhân, công trình có kết quả thu vốn, tiền về tốt. Đảm bảo hoàn thành kế hoạch tiền về tài khoản năm 2023 là 589 tỷ đồng.

- Thực hiện kiểm soát chi phí công trình theo kế hoạch giá thành đã được duyệt.

4. Công tác Kỹ thuật

- Tăng cường công tác quản lý khối lượng, tiến độ, đặc biệt là công tác nghiệm thu, thu vốn tại các công trình.
- Tham gia cùng đơn vị, ban điều hành trong việc lập kế hoạch thi công các công trình, bố trí, giao việc cho nhân sự làm kỹ thuật bám sát mục tiêu tiến độ, đề xuất giải pháp tháo gỡ vướng mắc cho đơn vị thi công về mặt kỹ thuật; đảm bảo việc triển khai đúng kế hoạch đã phê duyệt. Tổ chức tốt bộ máy chỉ huy tại các công trường, đảm bảo đơn đốc, thực hiện và giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh xảy ra trên công trường, đảm bảo tiến độ thi công.
- Tăng cường công tác giám sát an toàn, tổ chức huấn luyện an toàn thường xuyên cho người lao động và vệ sinh công nghiệp.
- Hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng các công trình xử lý sạt bờ phải TĐ Pake trước 30/4/2023; Bàn giao dự án Cánh Tạng trong Quý I/2023; Bàn giao Sân golf Phúc Tiến Quý I/2023; Kênh Ngang số 3 Quý I/2023.
- Giải quyết dứt điểm các vướng mắc liên quan đến công tác nghiệm thu, quyết toán công trình Pake, Đắc Mi 2, Bản Lãi; Hoàn thành công tác quyết toán công trình Hòa Liên trong quý I/2023, Cánh Tạng trong quý II/2023. Tập trung cán bộ kỹ thuật cho công tác thu hồi vốn, công nợ dờ dang tại các công trình.
- Đảm bảo các công trình và nhà máy thủy điện hoạt động an toàn, hiệu quả. Tiếp tục áp dụng và cập nhật bổ sung hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015 và hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 45001:2018, hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015.

5. Công tác Cơ giới

- Rà soát, cân đối lại toàn bộ XMTB trong toàn công ty, các công trường, thanh lý các XMTB không có nhu cầu sử dụng để thu hồi vốn và giảm chi phí bảo vệ, bảo quản tại các công trường. Tập trung và giải quyết các thủ tục liên quan đến công tác di chuyển XMTB từ công trình Xenamnoy, Nam Thuen 1 và các công trình đã kết thúc thi công về điểm tập kết của Công ty để tái sử dụng.
- Thanh lý toàn bộ thiết bị hoạt động kém hiệu quả theo kế hoạch sử dụng xe máy đã trình.
- Đẩy mạnh việc quản lý, cho thuê XMTB. Tăng cường công tác tìm kiếm đối tác để cho thuê XMTB dư thừa.
- Xây dựng bộ phận sửa chữa tập trung, phối hợp các đơn vị trong công tác chăm lo, sửa chữa xe máy thiết bị. Xây dựng kế hoạch sửa chữa XMTB một cách hợp lý vừa đảm bảo chi phí và thiết bị đảm bảo hoạt động.
- Quyết toán Quata các công trình đã thi công xong ở nước ngoài.

6. Công tác Kinh tế - Pháp chế

- Xây dựng kế hoạch SXKD tháng, quý trên cơ sở mục tiêu tiến độ được phê duyệt; giải pháp thực tiễn để thực hiện. Kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng tháng, quý, năm.
- Tập trung giải quyết các vướng mắc về kinh tế, quyết toán và thu vốn giá trị còn lại tại dự án Xekaman 1, Xekaman 3, Nam Theun 1.
- Giải quyết và hoàn thành dứt điểm mục tiêu thu vốn hàng tháng đề ra đối với các công trình đang thi công và các công trình đã thi công xong.
- Báo cáo phân tích, hạch toán kinh doanh từng công trình gói thầu đã xong. Xây dựng kế hoạch giá thành, kế hoạch chi phí cho từng công trình, quản lý theo giá thành các công trình đã được phê duyệt
- Quản lý hợp đồng khoa học, chặt chẽ từ khâu đàm phán đến khi kết thúc hợp đồng. Đưa ra các cảnh báo, phương án giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng một cách kịp thời.
- Xây dựng quỹ tiền lương năm 2023 toàn Công ty.
- Báo cáo Quản trị rủi ro hợp đồng các gói thầu Công ty đang thi công hàng tháng, quý, năm.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện SXKD năm 2022; kế hoạch SXKD năm 2023 và các giải pháp để thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2023 của Công ty cổ phần Sông Đà 9, kính trình ĐH ĐCD xem xét thông qua.

Trân trọng!


TM. HĐQT CÔNG TY
Chủ tịch

Trần Thế Quang

BÁO CÁO
THỰC HIỆN SXKD NĂM 2022; KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023

Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu.

STT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2022												KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023		
			KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN			TỶ LỆ HOÀN THÀNH (%)			TỔ HỢP	CTY ME	CTY CON			
			TỔ HỢP	CTY ME	CTY CON	TỔ HỢP	CTY ME	CTY CON	TỔ HỢP	CTY ME	CTY CON						
I	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đ	810.000	634.000	176.050	658.515	464.222	194.293	81	73	110	664.000	486.000	178.000			
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10 ⁶ đ	433.000	433.000		209.349	209.349		48	48		257.000	257.000				
2	Giá trị sản xuất điện	10 ⁶ đ	346.000	170.000	176.000	396.620	202.871	193.749	115	119	110	357.100	180.000	177.100			
3	Giá trị kinh doanh dịch vụ khác	10 ⁶ đ	31.050	31.000	50	52.546	52.002	544	169	168	1.088	50.000	49.450	550			
II	Kế hoạch tài chính																
1	Doanh số	10 ⁶ đ	807.300	631.300	176.000	706.987	512.694	194.293	88	81	110	706.000	528.350	177.650			
2	Tổng doanh thu	10 ⁶ đ	739.264	579.164	160.100	652.724	474.914	177.810	88	82	111	650.636	489.086	161.550			
3	Tiền về tài khoản	10 ⁶ đ	728.373	555.293	173.080	760.591	539.916	220.675	104	97	127	767.411	589.761	177.650			
4	Nợ Ngân sách	10 ⁶ đ	87.488	41.600	45.888	87.763	40.901	46.862	100	98	102	86.508	40.682	45.826			
5	Lợi nhuận																
	- Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đ	75.700	10.000	65.700	81.710	10.486	71.224	108	105	108	78.800	12.500	66.300			
	- Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đ	62.160	9.600	52.560	67.140	10.224	56.916	108	107	108	63.040	10.000	53.040			
6	Tỷ suất lợi nhuận																
	Lợi nhuận cận biên (LN trước thuế/Doanh thu)	%	10,2	1,7	41,0	12,5	2,2	40,1	122	128	98	12,1	2,6	41,0			
	ROE (Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bq)	%	7,6	1,6	16,8	8,0	1,7	18,1	105	106	108	7,7	1,7	17,0			
	ROA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq)	%	2,8	0,5	15,3	3,2	0,6	16,7	115	110	109	3,2	0,6	14,6			
6	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	814.747	594.541	312.005	836.086	595.166	313.806	103	100	101	813.709	597.297	312.109			
7	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	342.340	342.340	209.999	342.340	342.340	209.999	100	100	100	342.340	342.340	209.999			
8	Tổng tài sản	10 ⁶ đ	2.235.975	1.892.970	343.005	2.108.758	1.840.796	340.549	94	97	99	1.990.082	1.627.973	362.109			
9	Nợ phải trả	10 ⁶ đ	1.421.228	1.298.429	26.000	1.272.672	1.245.630	26.743	90	96	103	1.172.475	1.030.676	50.000			
10	Hệ số nợ phải trả (VCSH)	lần	1,7	2,2	0,1	1,5	2,1	0,1	87	96	102	1,4	1,7	0,2			

STT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2022												KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023		
			KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN			TỶ LỆ HOÀN THÀNH (%)			TỔ HỢP	CTY ME	CTY CON			
			TỔ HỢP	CTY ME	CTY CON	TỔ HỢP	CTY ME	CTY CON	TỔ HỢP	CTY ME	CTY CON						
11	Hệ số nợ phải trả (VĐL)	lần	4,2	3,8	0,1	3,7	3,6	0,1	90	96	103	3,4	3,0	0,2			
12	Tỷ lệ cổ tức	%		2,5	22		2,5	24,0		100	109		2,5	22,0			
III	Lao động và tiền lương																
1	Thu nhập bình quân CBCNV/tháng	10 ³ đ	11.621	11.669	11.433	11.469	11.279	11.856	99	97	104	11.678	11.395	12.087			
B	Kế hoạch đầu tư	10 ⁶ đ	15.000	15.000			18.987		-	127		3.000		3.000			

BÁO CÁO
THỰC HIỆN THU VỐN NĂM 2022, HOẠCH THU VỐN NĂM 2023

TT	Công trình	ĐVT	Dở đang đến 31/12/2021	Sản lượng TH năm 2022	Thu vốn năm 2022		Dở đang 31/12/2022	Kế hoạch năm 2023	
					Kế hoạch	Thu vốn		Sản lượng	Thu vốn
	Giá trị SXKD	10 ⁶ đ	393.918	658.515	807.344	706.987	345.446	663.000	706.000
1	Thuỷ điện Lai Châu	"	-	2.982	-	2.982	-		
2	Thuỷ điện Xekaman3	"	5.306	-	5.306	-	5.306		-
3	Thuỷ điện Huội Quảng	"	-	2.163		2.163	-		
4	Thuỷ điện Hòa Na	"	-	9.591		9.591	-		
5	Thuỷ điện XảKaMan1	"	100.001	-		-	100.001		30.000
6	Thuỷ điện Nậm Thuen 1	"	62.830	-	30.000	5.642	57.187		40.000
7	Thuỷ điện Đồng Nai 5	"	4.903	-	4.903	-	4.903		
8	Thuỷ điện Đắk Mi II	"	3.492	-		1.674	1.818		
9	Nhà Quốc Hội	"	1.466	-		-	1.466		1.466
10	Thuỷ điện Tân Thượng	"	60.712	-		-	60.712		
11	Công trình thủy điện Pake	"	53.670	19.444	10.000	57.217	15.897		
12	Công trình thủy điện Pake (sạt)	"		-				28.545	28.545
13	Thuỷ điện Sơn Giang	"	6.023	-	6.023	-	6.023		
14	Nhiệt điện Long Phú	"	7.974	-	58.402	-	7.974	-	-
15	Gói thầu F2 - Cải tạo kênh	"	14.237	74.271	153.591	67.008	21.500	113.673	111.173
16	Hồ chứa nước Bản Lải	"	1.906	-		-	1.906		
17	Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ	"	44.047	-	1.500	3.862	40.185	-	
18	Công trình Cảnh Tạng	"	2.565	41.653	20.412	41.929	2.289	-	2.289
19	Công trình Yên Xá	"	205	5.182	51.327	-	5.387	41.993	27.296
20	Công trình Tân Lộc	"	1.771	-	1.771	370	1.400	-	
21	Công trình Hòa Liên	"	12.867	57.454	27.059	68.395	1.926	-	1.926
22	Thanh thất Sơn La	"	901	5.895	11.034	3.253	3.543	2.815	6.358
23	Sân golf Phúc Tiến	"	9.045	-	9.045	3.020	6.025		6.025
24	Dự án Hương Điện	"		15.862		15.862	-	-	-
25	Gia cố mái thủy điện Nậm Khánh	"		-		-	-		
26	Công trình dự kiến khác	"	-	-	39.550	-	-	70.000	45.000
27	Phục vụ xây lắp, KDVT, HĐTC, HĐ #	"	-	52.002	31.420	52.002	-	48.562	48.562
28	Sản xuất công nghiệp	"	-	-		-	-		
-	Nậm Khánh	"	-	55.026	50.000	55.026	-	50.000	50.000
-	Pake	"	-	147.845	120.000	147.845	-	130.000	130.000
-	Nậm Mu	"	-	194.293	176.000	194.293	-	177.650	177.650

BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2022, KẾ HOẠCH NĂM 2023

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	SỐ HỢP NHẤT				CÔNG TY MỆ SÔNG ĐÀ 9				CÔNG TY NĂM MŨ			
			KẾ HOẠCH NĂM 2022	TH 2022	TỶ LỆ HOÀN THÀNH NĂM %	KẾ HOẠCH NĂM 2022	TH NĂM 2022	TỶ LỆ HOÀN THÀNH NĂM %	KẾ HOẠCH NĂM 2023	TH NĂM 2022	TỶ LỆ HOÀN THÀNH NĂM %	KẾ HOẠCH NĂM 2023	TH NĂM 2022	TỶ LỆ HOÀN THÀNH NĂM %
I	GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG	10 ⁹ đ	810.000.000	658.515.387	81,3%	663.222.000	634.000.000	464.222.338	73,2%	485.572.000	176.000.000	194.293.049	110,4%	177.650.000
II	DOANH SỐ BÁN HÀNG	10 ⁹ đ	807.300.000	706.987.439	87,6%	706.000.052	631.300.000	512.694.391	81,2%	528.350.052	176.000.000	194.293.048	110,4%	177.650.000
I	Doanh thu	10 ⁹ đ	739.263.637	652.723.952	88,3%	650.636.956	579.163.637	474.913.738	82,0%	489.086.956	160.100.000	177.810.214	111,1%	161.550.000
a	HĐ SX kinh doanh	10 ⁹ đ	717.743.637	626.310.921	87,3%	617.434.047	557.743.637	449.044.599	80,5%	456.434.047	160.000.000	177.266.322	110,8%	161.000.000
b	Hoạt động tài chính, khác	10 ⁹ đ	21.520.000	26.413.032	122,7%	33.202.909	21.420.000	25.869.140	120,8%	32.652.909	100.000	543.892	543,9%	550.000
2	Thuế GTGT đầu ra	10 ⁹ đ	68.036.363	54.263.487	79,8%	55.363.096	52.136.363	37.780.653	72,5%	39.263.096	15.900.000	16.482.834	103,7%	16.100.000
III	THU TIỀN YẾ TÀI KHOẢN	10 ⁹ đ	728.373.025	760.591.276	104,4%	767.410.976	555.293.025	539.915.533	97,2%	589.760.976	173.080.000	220.675.743	127,5%	177.650.000
IV	LỢI NHUẬN													
1	Mức lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	75.700.000	81.710.484	107,9%	78.800.000	10.000.000	10.485.500	104,9%	12.500.000	65.700.000	71.224.984	108,4%	66.300.000
a	Lợi nhuận từ HĐSXKD	10 ⁹ đ	54.280.000	84.364.300	155,4%	80.647.750	(11.420.000)	13.430.221	-117,6%	14.347.750	65.700.000	70.934.079	108,0%	66.300.000
b	Hoạt động tài chính, khác	10 ⁹ đ	21.420.000	(2.653.816)	-12,4%	(1.847.750)	21.420.000	(2.944.721)	-13,7%	(1.847.750)	-	290.905		
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10 ⁹ đ	13.540.000	14.569.204	107,6%	15.760.000	400.000	261.015	65,3%	2.500.000	13.140.000	14.308.189	108,9%	13.260.000
2	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	62.160.000	67.141.280	108,0%	63.040.000	9.600.000	10.224.485	106,5%	10.000.000	52.560.000	56.916.795	108,3%	53.040.000
3	Tỷ lệ lợi nhuận	%	10,2%	12,5%	122,3%	12,1%	1,7%	2,2%	127,9%	2,6%	41,0%	40,1%	97,6%	41,0%
	- Lợi nhuận/doanh thu (LN cận biên)	%	18,2%	19,6%	108,0%	18,4%	2,8%	3,0%	106,5%	2,9%	25,0%	27,1%	108,3%	25,3%
	- Lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	7,6%	8,0%	105,3%	7,7%	1,6%	1,7%	106,4%	1,7%	16,8%	18,1%	107,7%	17,0%
	- Lợi nhuận sau thuế/vốn CSH	%	2,8%	3,2%	114,3%	3,2%	0,5%	0,6%	109,5%	0,6%	15,3%	16,7%	109,1%	14,6%
V	CÁC KHOẢN NỘP NS	10 ⁹ đ	87.488.477	87.763.267	100,3%	86.508.419	41.600.332	40.901.245	98,3%	40.682.415	45.888.145	46.862.022	102,1%	45.826.004
1	Các khoản nộp nhà nước	10 ⁹ đ	79.518.822	80.905.049	101,7%	80.598.916	35.818.822	36.089.626	100,8%	36.961.057	43.700.000	44.815.423	102,6%	43.637.859
	- Thuế GTGT phát nộp	10 ⁹ đ	33.862.458	29.760.307	86,4%	32.658.964	20.112.585	17.003.518	84,5%	18.909.091	13.749.873	12.256.789	89,1%	13.749.873
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	10 ⁹ đ	13.540.000	15.279.440	112,8%	15.760.000	400.000	971.251	242,8%	2.500.000	13.140.000	14.308.189	108,9%	13.260.000
	- Thuế khác	10 ⁹ đ	32.116.363	36.365.302	113,2%	32.179.952	15.306.236	18.114.857	118,3%	15.551.966	16.810.127	18.250.445	108,6%	16.627.986
2	Các khoản nộp khác	10 ⁹ đ	7.969.655	6.858.218	86,1%	5.909.503	5.781.510	4.811.619	83,2%	3.721.358	2.188.145	2.046.599	93,5%	2.188.145
	BHXH; y tế; BHTN	10 ⁹ đ	7.969.655	6.858.218	86,1%	5.909.503	5.781.510	4.811.619	83,2%	3.721.358	2.188.145	2.046.599	93,5%	2.188.145
VI	TIỀN LƯƠNG VÀ THU NHẬP													
	Thu nhập b/q CBCNV	10 ⁹ đ	11.621	11.469	98,7%	11.678	11.669	11.279	96,7%	11.395	11.433	11.856	103,7%	12.087
VII	TSCĐ VÀ KHẤU HAO TSCĐ													
1	Nguyên giá BQ căn tỉnh KH	10 ⁹ đ	2.430.068.523	1.835.361.567	75,5%	1.839.800.693	1.698.186.197	1.114.183.269	65,6%	1.114.183.269	731.882.326	721.178.298	98,5%	725.617.424
2	Số tiền trích khấu hao	10 ⁹ đ	94.296.113	92.518.942	98,1%	80.517.919	54.497.714	54.460.972	99,9%	46.879.388	39.798.399	38.057.970	95,6%	33.638.531
3	Tỷ lệ khấu hao	10 ⁹ đ	3,9%	5,0%	129,9%	4,4%	3,2%	4,9%	132,3%	4,2%	5,4%	5,3%	97,0%	4,6%

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	SỐ HỢP NHẤT						CÔNG TY MÈ SÔNG ĐÀ 9						CÔNG TY NAM MÙ			
			KẾ HOẠCH NAM 2022	TH 2022	TỶ LỆ HOÀN THÀNH NĂM %	KẾ HOẠCH NAM 2023	KẾ HOẠCH NAM 2022	TH NĂM 2022	TỶ LỆ HOÀN THÀNH NĂM %	KẾ HOẠCH NAM 2023	KẾ HOẠCH NAM 2022	TH NĂM 2022	TỶ LỆ HOÀN THÀNH NĂM %	KẾ HOẠCH NAM 2023	KẾ HOẠCH NAM 2022	TH NĂM 2022	TỶ LỆ HOÀN THÀNH NĂM %	KẾ HOẠCH NAM 2023
			2.430.068.523	2.418.991.600	99,5%	2.420.299.902	1.698.186.197	100,0%	1.698.186.197	1.698.186.197	100,0%	1.698.186.197	731.882.376	720.805.403	98,5%	722.113.705	720.805.403	98,5%
2.441.145.445	2.420.299.902	99,1%	2.390.600.823	1.698.186.197	100,0%	1.698.186.197	1.698.186.197	100,0%	1.659.608.867	742.959.248	722.113.705	97,2%	730.991.956	742.959.248	97,2%	730.991.956		
1.079.455.658	1.060.387.284	98,2%	987.443.500	821.469.098	100,0%	821.505.840	821.505.840	100,0%	773.322.336	237.986.560	238.881.444	92,6%	214.121.164	237.986.560	92,6%	214.121.164		
1.727.340.473	1.584.836.127	91,8%	1.439.982.734	1.502.134.816	89,5%	1.343.915.638	1.343.915.638	89,5%	1.219.672.670	317.005.147	313.806.844	99,0%	312.109.544	317.005.147	99,0%	312.109.544		
814.747.089	836.086.406	102,6%	817.606.722	594.541.432	100,1%	595.165.917	595.165.917	100,1%	597.296.668	312.005.147	313.806.844	100,6%	312.109.544	312.005.147	100,6%	312.109.544		
342.340.000	342.340.000	100,0%	342.340.000	342.340.000	100,0%	342.340.000	342.340.000	100,0%	342.340.000	209.999.000	209.999.000	100,0%	209.999.000	209.999.000	100,0%	209.999.000		
21.161.631	21.161.631	100,0%	21.161.631	21.400.709	100,0%	21.400.709	21.400.709	100,0%	21.400.709	(468.780)	(468.780)	100,0%	(468.780)	(468.780)	100,0%	(468.780)		
243.869.576	242.566.483	99,5%	242.566.475	219.965.678	100,0%	219.965.678	219.965.678	100,0%	219.965.678	46.870.388	44.315.289	94,5%	44.315.289	46.870.388	94,5%	44.315.289		
39.176.695	49.537.436	126,4%	43.288.273	10.835.045	105,8%	11.459.530	11.459.530	105,8%	13.590.281	55.571.861	59.928.657	107,8%	58.231.357	55.571.861	107,8%	58.231.357		
912.593.384	748.749.721	82,0%	622.376.001	907.593.384	82,5%	748.749.721	748.749.721	82,5%	622.376.001	5.000.000	-	0,0%	-	5.000.000	0,0%	-		
405.000.000	156.051.055	38,5%	104.200.035	400.000.000	39,0%	156.051.055	156.051.055	39,0%	104.200.035	5.000.000	-	0,0%	-	5.000.000	0,0%	-		
507.593.384	592.698.666	116,8%	518.175.966	507.593.384	116,8%	592.698.666	592.698.666	116,8%	518.175.966	-	-	-	-	-	-	-		
2.235.975.577	2.108.758.299	94,3%	1.990.082.214	1.892.970.430	97,2%	1.840.795.509	1.840.795.509	97,2%	1.627.972.670	343.005.147	340.549.760	99,3%	362.109.544	343.005.147	99,3%	362.109.544		
1.421.228.488	1.272.671.893	89,5%	1.172.475.491	1.298.428.998	95,9%	1.245.629.592	1.245.629.592	95,9%	1.030.676.001	26.000.000	26.742.916	102,9%	50.000.000	26.000.000	102,9%	50.000.000		
1,7	1,5	87,3%	1,4	2,2	82,4%	2,1	2,1	82,4%	1,7	0,1	0,1	102,3%	0,2	0,1	102,3%	0,2		
1,1	0,9	80,0%	0,8	1,5	82,4%	1,3	1,3	82,4%	1,0	0,0	-	0,0%	-	0,0	0,0%	-		
4,2	3,7	89,5%	3,4	3,8	91,9%	3,6	3,6	91,9%	3,0	0,1	0,1	102,9%	0,2	0,1	102,9%	0,2		
%				2,5%		2,5%	2,5%		2,5%	22,0%	24,0%		22,0%	22,0%		22,0%		

IX CỐ TỨC

**TỜ TRÌNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**

V/v Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Sông Đà 9;

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 báo cáo Đại hội đồng cổ đông về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 như sau:

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C Chi nhánh Hà Nội. Đây là một trong những Công ty kiểm toán có năng lực và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà 9 tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngay khi có Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán, Công ty cổ phần Sông Đà 9 công bố kịp thời lên website công ty và công bố thông tin theo quy định hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Sông Đà 9 (theo Báo cáo tài chính đính kèm)

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

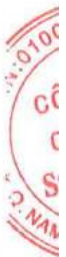
- Như kính gửi
- Lưu HĐQT, TCNS

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Thế Quang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 9



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 37



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 9 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước - Công ty Sông Đà 9 - trực thuộc Tổng công ty Sông Đà theo Quyết định số 2195/QĐ-BXD ngày 18 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100845515, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2006 với số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 0103010465, đăng ký thay đổi lần thứ 10 là ngày 08 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024 37683746

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, buu điện, hạ tầng kỹ thuật; đường dây và trạm biến thế điện; Đầu tư xây dựng, vận hành khai thác và kinh doanh các nhà máy thủy điện.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Thế Quang	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Hải Sơn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Phạm Văn Quán	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Lê Hải Đoàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Đoàn Hùng Trường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Phương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Lương Thế Lăng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thanh Huệ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hải Sơn	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Anh Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 9 năm 2019
Ông Lê Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 02 năm 2021
Ông Quách Mạnh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2021
Ông Trần Thế Anh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Nguyễn Hải Sơn - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được lựa chọn kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hải Sơn

Ngày 20 tháng 3 năm 2023

115-0
NHÀ
NG T
EM H
I VÀ
C
HÀ N
A - T

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Branch in Hà Nội : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam
Branch in Nha Trang : Lot 5TH06A.01, St. No.13, Le Hong Phong Urban Area, Nha Trang City, Vietnam
Branch in Cần Thơ : K-13 Vo Nguyen Giáp St., Cai Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 2.0179/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2023, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tú - Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4028-2022-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		919.152.407.513	1.087.987.404.957
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	31.417.189.795	24.409.280.109
1. Tiền	111		31.417.189.795	24.409.280.109
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		543.507.816.377	711.517.055.174
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	401.332.065.172	537.940.282.930
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	103.484.657.723	135.863.923.704
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	589.141.728
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	70.458.172.835	64.706.246.064
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(31.767.079.353)	(27.582.539.252)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		320.184.414.047	332.076.963.061
1. Hàng tồn kho	141	V.7	320.184.414.047	332.076.963.061
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.042.987.294	19.984.106.613
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.349.995.940	46.278.399
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.597.230.063	19.815.959.370
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		95.761.291	121.868.844
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		921.643.101.588	977.479.123.965
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		821.505.840.074	875.966.811.714
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	816.893.340.074	871.354.311.714
- Nguyên giá	222		1.693.493.697.289	1.693.493.697.289
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(876.600.357.215)	(822.139.385.575)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	4.612.500.000	4.612.500.000
+ Nguyên giá	228		4.692.500.000	4.692.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(80.000.000)	(80.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		538.703.802	538.703.802
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		538.703.802	538.703.802
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		95.640.436.286	96.991.955.628
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2a	85.347.816.852	85.347.816.852
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	31.412.940.000	31.412.940.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(21.120.320.566)	(19.768.801.224)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.958.121.426	3.981.652.821
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.026.894.472	2.789.410.193
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.10	931.226.954	1.192.242.628
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.840.795.509.101	2.065.466.528.922

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.245.629.591.698	1.474.667.299.406
I. Nợ ngắn hạn	310		720.670.876.263	1.044.966.722.070
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a	151.437.990.321	161.323.727.441
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	115.960.642.250	173.121.883.412
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	27.267.154.720	22.030.191.004
4. Phải trả người lao động	314		12.386.039.886	15.576.236.507
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	98.712.906.484	129.632.586.704
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		617.628.063	390.100.684
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	80.714.296.711	101.156.984.728
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	230.573.755.456	436.692.804.822
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	3.000.462.372	5.042.206.768
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		524.958.715.435	429.700.577.336
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11b	6.782.748.810	6.782.748.810
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	518.175.966.625	422.917.828.526
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

MAO
CHI
CỔ
PHẦN
TỔNG
HỢP
TẠI
SÔNG ĐÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		595.165.917.403	590.799.229.516
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	595.165.917.403	590.799.229.516
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		342.340.000.000	342.340.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		342.340.000.000	342.340.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.400.709.579	21.400.709.579
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		219.965.678.005	219.965.678.005
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.459.529.819	7.092.841.932
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.235.045.048	7.092.841.932
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		10.224.484.771	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.840.795.509.101	2.065.466.528.922

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2023.

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hải Sơn

Phùng Thị Minh Nghĩa

Trần Thế Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	397.029.073.418	405.940.790.847
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		397.029.073.418	405.940.790.847
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	293.040.724.112	324.864.344.960
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		103.988.349.306	81.076.445.887
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	24.965.806.667	25.731.785.749
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	81.695.556.979	69.042.833.072
Trong đó: chi phí lãi vay	23		79.677.093.897	76.620.342.271
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	32.752.761.093	26.861.113.971
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.505.837.901	10.904.284.593
11. Thu nhập khác	31		903.334.000	187.046.504
12. Chi phí khác	32	VI.6	4.923.671.456	1.952.882.268
13. Lợi nhuận khác	40		(4.020.337.456)	(1.765.835.764)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.485.500.445	9.138.448.829
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.13	-	3.346.477.118
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.10	261.015.674	261.015.674
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>10.224.484.771</u>	<u>5.530.956.037</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hải Sơn

Phùng Thị Minh Nghĩa

Trần Thế Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.483.500.445	9.138.448.829
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		54.460.971.640	66.303.189.032
- Các khoản dự phòng	03		5.536.059.443	(7.340.443.875)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		624.837.268	(163.630.035)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(24.884.966.075)	(25.489.663.031)
- Chi phí lãi vay	06		79.677.093.897	76.620.342.271
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động				
- Tăng, giảm các khoản phải thu	08		125.899.496.618	119.068.243.191
- Tăng, giảm các khoản phải trả	09		161.672.510.799	62.315.759.268
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		11.892.549.014	(7.267.814.829)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(100.569.493.464)	(95.641.267.363)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.541.201.820)	195.072.613
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(80.389.158.470)	(71.896.549.784)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(408.457.257)	(1.523.329.927)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.764.441.280)	(1.064.830.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		112.791.804.140	4.185.283.169
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(5.059.901.098)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		589.141.728	1.600.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24.694.216.686	23.614.535.626
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		25.283.358.414	20.154.634.528

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	141.672.829.179	167.848.460.821		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(252.713.114.406)	(198.243.390.414)		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.026.944.000)	-		
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(131.067.229.227)</u>	<u>(30.394.929.593)</u>		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		7.007.933.327	(6.055.011.896)		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	24.409.280.109	30.464.854.167		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(23.641)	(562.162)		
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>31.417.189.795</u>	<u>24.409.280.109</u>		

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc

Phùng Thị Minh Nghĩa

Trần Thế Anh



Nguyễn Hải Sơn

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022 VÀ
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2023

Kính thưa: - Quý vị đại biểu khách quý;
 - Quý vị cổ đông
 - Thưa toàn thể đại hội

Hôm nay, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Sông Đà 9 năm 2023, thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 (HĐQT), tôi xin báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2023 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin về Công ty:

- Tên công ty đại chúng: Công ty cổ phần Sông Đà 9
- Vốn điều lệ: 342.340.000.000 đồng
- Mã chứng khoán: SD9

2. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

- | | |
|----------------------|-------------------------|
| Ông Trần Thế Quang | - Chủ tịch HĐQT |
| Ông Nguyễn Hải Sơn | - TVHĐQT, Tổng giám đốc |
| Ông Phạm Văn Quân | - TVHĐQT |
| Ông Đoàn Hùng Trường | - TVHĐQT |
| Ông Lê Hải Đoàn | - TVHĐQT |

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022

Trong năm 2022, HĐQT đã thực hiện đúng, đầy đủ chức năng, quyền hạn của HĐQT được quy định trong Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể:

1. Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 26/04/2022.

2. Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung thông qua tại Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022 bao gồm:

2.1. HĐQT đã họp định kỳ hàng quý, họp bất thường và ban hành các Nghị quyết quyết định theo đúng thẩm quyền và đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Số phiên họp thường kỳ : 04 phiên
- Số phiên họp bất thường: 3 phiên
- Số Văn bản, Nghị quyết, Quyết định ban hành: 59 Nghị quyết, quyết định, văn bản liên quan đến vấn đề trọng yếu của Công ty, làm cơ sở và định hướng cho Ban Tổng giám đốc triển khai nhiệm vụ.

2.2. Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua, bao gồm:

- Triển khai kế hoạch SXKD năm 2022;
- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện đúng các chế độ, chính sách, quy định của Công ty và Pháp luật về quản lý tài chính, quản lý tốt các nguồn thu, chi của Công ty.
 - Hội đồng quản trị thường chỉ đạo sát sao việc thu hồi công nợ, đặc biệt là các khoản nợ khó đòi. Các thành viên HĐQT trực tiếp hỗ trợ công ty trong việc thu hồi công nợ khó đòi.
 - Hoạt động quản trị công ty tuân thủ theo đúng Điều lệ công ty, Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và quy định của pháp luật hiện hành.
 - Chỉ đạo tăng cường quản lý nội bộ và công tác khoán đối với các dự án mà công ty đang thi công;
 - Chỉ đạo tiếp tục thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, tinh giảm nhân lực, thu gọn đầu mối quản lý, nâng cao chất lượng nhân lực.
 - Chỉ đạo giám sát việc đảm bảo các chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật, phù hợp với các quy định nội bộ của công ty, thỏa ước lao động tập thể.
 - Chỉ đạo giám sát các nội dung khác liên quan tới trách nhiệm của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty
 - Thường xuyên trao đổi với Ban kiểm soát, đối chiếu các quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của đơn vị do đó các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đều có tính thống nhất cao giữa các thành viên HĐQT.

3. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính:

Đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C - đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

Kết quả SXKD, lợi nhuận năm 2022:

- Tổng giá trị SXKD : 464/KH 634 tỷ đồng đạt 73% KH năm

- Tổng doanh thu : 475/KH 579 tỷ đồng đạt 82% KH năm
- Lợi nhuận trước thuế : 10,5 /KH 10 tỷ đồng đạt 105% KH năm
- Lợi nhuận sau thuế : 10,227/ KH 9,6 tỷ đồng đạt 106,5% KH năm
- Nộp ngân sách : 41/KH 42 tỷ đồng đạt 98% KH năm
- Thu nhập bình quân : 11,3 trđ/KH 11,7 trđ/ng/tháng đạt 97% KH.
- Chi trả cổ tức : 2,5%/KH 2,5% đạt 100% KH năm.

4. Kết quả thực hiện tại các dự án chính:

- Sản xuất điện đạt 119% KH năm (203 tỷ đồng/170,0 tỷ đồng). Vận hành an toàn, tận dụng tối đa nguồn nước, tập trung phát giờ cao điểm khi nguồn nước hạn chế.
- Gói thầu F2 - Cải tạo kênh: Sản lượng thực hiện năm đạt 64 tỷ/170 tỷ đạt 38%KH năm. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch: Vương mắc việc Di dời vỉa thông đường Bình Đông từ trạm buýt đường thủy đến cầu kênh Ngang số 2. Công tác đóng cọc SW400, D500, D600 vương mắc mặt bằng khu nhà cổ, thi công dưới đường điện cao thế 110KV gặp khó khăn, cung cấp cọc nhà thầu phụ chưa kịp thời; Vương mắc mặt bằng tại trạm buýt đường thủy, cầu đi bộ số 5, dãy nhà cổ đường Bình Đông, đường ống nước D300 chân cầu kênh Ngang số 3.
- Hồ chứa nước Cánh Tạng: Sản lượng thực hiện năm đạt 35,4 tỷ/17,8 tỷ đạt 198% KH năm.
- Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá (Gói 3, Gói 4): Không hoàn thành kế hoạch. Nguyên nhân: Công tác nghiệm thu bị kéo dài do sự phối hợp giữa BDH và các đội thi công chậm chễ. Công tác nội nghiệp làm hồ sơ nghiệm thu không đáp ứng được công tác thi công tại hiện trường; Công tác khảo sát, lập bản vẽ thi công, phê duyệt bản vẽ thi công bị kéo dài (trình tự thủ tục nhiều bước; có sự điều chỉnh so với TKKT; sự phối hợp giữa BDH, Nhà thầu phụ khảo sát, Nhà thầu phụ thiết kế còn gặp nhiều lúng túng); Quá trình xin cấp phép thi công gặp nhiều khó khăn do trong phạm vi thi công có nhiều đơn vị chủ quản khác nhau, hồ sơ xin cấp phép khác nhau.
- Công trình Hòa Liên: Sản lượng thực hiện năm đạt 57,5tỷ/59,4 tỷ đồng đạt 97% KH năm.

5. Về lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022:

- Dự toán lương, thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2022: là 972 triệu đồng.
Trên cơ sở thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2022, và Nghị quyết thông qua của Đại hội đồng cổ đông năm 2022; mức lương, thù lao HĐQT, BKS, Thư ký được chi trả bằng 100% dự toán đã được duyệt, tổng mức chi trả là 972 triệu đồng ((chi tiết kèm theo)

6. Báo cáo tổng lương của cán bộ điều hành chi trả năm 2022: 2,124 tỷ đồng (chi tiết kèm theo)

7. Các chỉ tiêu báo cáo tài chính - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2022

(Chi tiết theo báo cáo SXKD và báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Sông Đà 9 kèm theo)

8. Kết quả giám sát Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác

- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện công tác quản lý điều hành thận trọng, công khai minh bạch, đáp ứng được yêu cầu thực tế SXKD và quản trị công ty. Ban Tổng giám đốc đã triển khai kịp thời, nghiêm túc và có hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, hoạt động của Ban Tổng giám đốc đã giúp công ty giữ ổn định SXKD.

- Năm 2022, Hội đồng quản trị chưa phát hiện thấy điều gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác trong Công ty và không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào có liên quan đến Ban Tổng giám đốc Công ty và chức danh quản lý khác

- Tổng giám đốc và cán bộ quản lý đã triển khai thực hiện công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của đơn vị theo quy định của Pháp luật và các quy chế quản trị nội bộ Công ty.

III. BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2022

- Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn, có nhiều ý kiến đóng góp vào công việc quản trị điều hành; đánh giá rõ trách nhiệm của Hội đồng quản trị cũng như trách nhiệm điều hành của Ban tổng giám đốc; đã giám sát hoạt động SXKD của đơn vị, kịp thời có những chỉ đạo và giải pháp hợp lý.

- Hội đồng quản trị thực hiện tốt vai trò định hướng, giám sát, kiểm soát các hoạt động của Công ty đảm bảo công tác quản trị doanh nghiệp minh bạch hiệu quả.

- Nghiêm túc thực hiện việc công bố các báo cáo quản trị Công ty, báo cáo thường niên và các báo cáo bất thường khác theo quy định theo quy định đầy đủ và kịp thời đến Ủy ban chứng khoán và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

Hội đồng quản trị đặt ra mục tiêu năm 2023 là giá trị SXKD 486 tỷ đồng và lợi nhuận 12,5 tỷ đồng. Hội đồng quản trị vẫn chú trọng yếu tố an toàn, khả thi, cố gắng thực hiện các mục tiêu đề ra, hạn chế tối đa các rủi ro và biện pháp chính là:

- Tập trung cùng Ban Tổng giám đốc thực hiện các chương trình quản trị kế hoạch, quản trị chi phí, quản trị nhân lực, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

- Tiếp thị, tìm kiếm việc làm cho năm 2023 và các năm tiếp theo;
- Giữ vững và quản lý có hiệu quả tài sản chiến lược của Công ty là các nhà máy thủy điện Pa Ke, Nậm Khánh, Nậm Mu.
- Ứng dụng công nghệ mới trong quản lý và tổ chức thi công các công trình có tính kỹ thuật cao, đảm bảo sơ đồ chuyển đổi ngành nghề xây lắp của công ty: đê kè, sông biển, thủy điện vừa và nhỏ và các công trình có đập bê tông đầm lăn, dự án liên quan đến biến đổi khí hậu.
- Cơ cấu lại khoản đầu tư tài chính/tài sản của Công ty: Thoái vốn tại các công ty có cổ phần vốn góp dưới 20% của Công ty cổ phần Sông Đà 9.
- Cân đối, thu xếp vốn kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Mở rộng và xây dựng mối quan hệ với các tổ chức tín dụng để đảm bảo đa dạng về nguồn vốn với chi phí vay thấp.
- Xây dựng phương án chi tiết cho công tác thu hồi công nợ và giảm giá trị dở dang các công trình đã và đang thi công. Quản lý có hiệu quả và kiểm soát rủi ro các công trình mới.
- Đẩy mạnh công tác khoán quản trong đơn vị, công trình trên cơ sở phân tích, hạch toán. Thanh lý các kho, xưởng tại các công trường không còn giá trị sử dụng để giảm chi phí kho bãi và các chi phí khác; không đầu tư dàn trải, giải quyết tồn kho.
- Nâng cao giá trị doanh nghiệp sau khi cơ cấu lại công ty; áp dụng công nghệ trong công tác quản lý điều hành. Xây dựng đội ngũ quản lý với năng lực lãnh đạo, quản lý điều hành đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp sau khi cơ cấu lại công ty để phục hồi tăng trưởng.
- Chỉ đạo và kiểm tra về công tác quản trị và công bố thông tin định kỳ, bất thường của Công ty theo quy định của pháp luật

V. TỰ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHỨC TRÁCH TRONG NĂM 2022

Thay mặt HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 9 tôi xin được đánh giá tổng kết trong năm qua:

Một số công trình bị chậm tiến độ do vướng mắc từ Chủ đầu tư, vướng mắc về cơ chế, về nguồn vốn do đó mà các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 2022 chưa đạt theo kế hoạch đã đặt ra, hoạt động xây lắp của đơn vị bị ảnh hưởng, tuy nhiên tỷ trọng sản xuất công nghiệp đạt 119% KH năm; thị trường chủ yếu của Công ty bị thu hẹp, các lĩnh vực mới Công ty tham gia thi công cạnh tranh khốc liệt nên việc tìm kiếm mở rộng thị trường, tiếp thị đấu thầu chưa đạt kế hoạch đề ra;

Đã quyết toán phần lớn các công trình đã thi công xong và thu hồi vốn góp phần giảm dư nợ vay ngắn hạn tại các ngân hàng là 108,6 tỷ (giảm dư nợ vay ngắn hạn thời điểm 31/12/2021 từ 391,5 tỷ xuống còn 282,9 tỷ thời điểm 31/12/2022), tuy nhiên công

557
G T
PH
GE
LIÊN

nợ tại các dự án còn khá nhiều, chưa cân đối được nguồn vốn chi trả được cổ tức cho các cổ đông

Tổng kết năm 2022, tập thể Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 phối hợp cùng Ban Tổng giám đốc đã cố gắng nỗ lực, tuy nhiên kết quả vẫn còn hạn chế, chưa đạt được 100% KH ĐHCĐ năm 2022 đã thông qua.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị công ty; kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu HĐQT, TCNS

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Thế Quang

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

BẢNG TỔNG HỢP CHI TRẢ LƯƠNG, THÙ LAO HĐQT, THÙ LAO HĐQT, BKS, THÙ KÝ NĂM 2022
(Kèm theo báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ Công ty năm 2023)

STT	Nội dung	Số người	Số tháng	Mức thù lao, lương/tháng/người theo NQ ĐHĐCĐ	Tổng thù lao, lương theo NQ ĐHĐCĐ	Tỷ lệ % chi trả	Quyết toán mức lương/thù lao/tháng/người	Quyết toán mức lương/thù lao năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (3)*(4)*(5)	(7)	(8)	(9) = (3)*(4)*(8)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	12	45,000,000	540,000,000	100.00%	45,000,000	540,000,000
2	Tổng giám đốc kiêm TVHĐQT	1	12	5,000,000	60,000,000	100.00%	5,000,000	60,000,000
3	Thành viên HĐQT	2	12	5,000,000	120,000,000	100.00%	5,000,000	120,000,000
4	Thành viên HĐQT độc lập	1	12	5,000,000	60,000,000	100.00%	5,000,000	60,000,000
5	Trưởng ban Kiểm soát không chuyên trách	1	12	7,000,000	84,000,000	100.00%	7,000,000	84,000,000
6	Thành viên BKS	2	12	3,000,000	72,000,000	100.00%	3,000,000	72,000,000
7	Thư ký Công ty	1	12	3,000,000	36,000,000	100.00%	3,000,000	36,000,000
	Tổng cộng							972,000,000

1-TP
A 9
2
5

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

BẢNG TỔNG HỢP CHI TRẢ LƯƠNG BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG NĂM 2022
(Kèm theo báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình ĐHCĐ Công ty năm 2023)

STT	Nội dung	Số người	Số tháng	Mức lương/tháng/người theo KH	Tỷ lệ % chi trả	Quyết toán mức lương/tháng/người	Quyết toán mức lương năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(3)*(4)*(7)
1	Tổng giám đốc kiêm TV HĐQT	1	12	40,000,000	100.00%	40,000,000	480,000,000
2	Phó Tổng giám đốc	3	12	35,000,000	100.00%	35,000,000	1,260,000,000
3	Kế toán trưởng	1	12	32,000,000	100.00%	32,000,000	384,000,000
	Tổng cộng						2,124,000,000



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9
BAN KIỂM SOÁT

Số: 02/CT-BKS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;
- Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9;

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9 (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) kết quả kiểm soát hoạt động đánh giá một số nội dung liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9 (Công ty) trong năm 2022 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban Kiểm soát đã tham dự các cuộc họp quý của Hội đồng quản trị;
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro của Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Kiểm tra, đánh giá việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng giám đốc (Ban TGD) theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty;
- Thẩm định báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty;
- Đánh giá việc tuân thủ pháp luật, công tác quản lý của Hội đồng quản trị, công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc.

II. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2022:

Trên cơ sở báo cáo của HĐQT, Ban TGD về tình hình thực hiện nhiệm vụ, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và Báo cáo tài chính tổng hợp



năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C, Ban Kiểm soát có một số nhận xét, đánh giá như sau:

1. Một số chỉ tiêu kinh tế tài chính chủ yếu:

- Giá trị sản xuất kinh doanh: 464,2 tỷ đồng, đạt 73,1% KH
- Doanh thu:
 - + Doanh thu bao gồm thủy điện Pake: 474,9 đồng, đạt 82,0% KH
 - + Doanh thu không bao gồm thủy điện Pake: 422,9 đồng, đạt 73,0% KH
- Lợi nhuận trước thuế: 10,49 tỷ đồng, đạt 104,9% KH
- Nộp NSNN: 40,9 tỷ đồng, đạt 98,3% KH
- Thu nhập bình quân: 11,28 triệu đồng/người, đạt 96,48% KH

Do ảnh hưởng của một số nguyên nhân khách quan và chủ quan, một số chỉ tiêu của hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 chưa hoàn thành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (chỉ hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận). Các nguyên nhân chưa hoàn thành kế hoạch đã được HĐQT và Ban TGD nêu rõ và phân tích trong báo cáo trình ĐHCĐ.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh chính:

Doanh thu hoạt động xây lắp đạt 185 tỷ đồng chiếm 43,8% tổng doanh thu. Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh điện đạt 187,4 tỷ đồng (đạt 119% kế hoạch năm) chiếm 44,3% tổng doanh thu.

Một số công trình xây dựng có tỷ lệ hoàn thành kế hoạch thấp như: dự án gói thầu F2 (sản lượng đạt 44% kế hoạch năm), hệ thống xử lý nước thải Yên Xá (sản lượng đạt 7% kế hoạch năm); một số công trình đã hoàn thành (thủy điện Lai Châu, thủy điện Hủa Na) đang thực hiện quyết toán, giảm giá trị sản lượng; công trình thanh thải thủy điện Sơn La (sản lượng đạt 59% kế hoạch năm) phải tạm dừng thi công từ 23/4/2022 theo yêu cầu của chủ đầu tư.

2. Báo cáo tài chính năm 2022:

Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2022 được Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội kiểm toán và đánh giá phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022; kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm 2022, phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Một số chỉ tiêu chủ yếu trên Báo cáo tài chính năm 2022:

- Tổng tài sản: 1.840.795.509.101, đồng
 - + Tài sản ngắn hạn: 919.152.407.513, đồng
 - + Tài sản dài hạn : 921.643.101.588, đồng

- Nguồn vốn: 1.840.795.509.101, đồng
- + Nợ phải trả: 1.245.629.591.698, đồng
- + Nguồn vốn chủ sở hữu: 595.165.917.403, đồng
- Doanh thu: 422.898.214.085, đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 10.485.500.445, đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 10.224.484.771, đồng

3. So sánh một số chỉ tiêu cùng kỳ năm 2022 và năm 2021:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2021	Tỷ lệ (%)
Doanh thu	10 ⁶ đồng	422,90	431,86	97,9
Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đồng	10,49	9,14	114,7
Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đồng	10,22	5,53	184,9
Tổng tài sản	10 ⁶ đồng	1.840,80	2.065,47	89,1
Nợ phải trả	10 ⁶ đồng	1.245,63	1.474,67	84,5
Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đồng	595,17	590,80	100,7
Hệ số nợ phải trả	Lần	2,09	2,50	83,8
Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	1,48	1,40	105,5
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,28	1,04	122,5
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	2,48%	2,12%	117,2
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	2,42%	1,28%	188,8
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,56%	0,27%	207,4

Năm 2022, mặc dù doanh thu chưa hoàn thành kế hoạch và giảm so với năm 2021 nhưng Công ty đã hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận và tăng so với năm 2021: doanh thu đạt 97,9% và lợi nhuận đạt 114,7%.

Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2022 giảm 229 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2021. Hệ số nợ (2,09 lần) giảm so với năm 2021 (2,5 lần) và trong ngưỡng an toàn.

Vốn chủ sở hữu tăng 4,3 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2021.

Nợ phải thu ngắn hạn giảm 163,8 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2021; Nợ phải thu khách hàng giảm 136,6 tỷ đồng nhưng vẫn ở mức cao (401,3 tỷ đồng).

Các chỉ số thanh toán đã được cải thiện và tăng so với năm 2021.

Trong năm 2022, Công ty đã trả nợ vay đến hạn 252 tỷ đồng và cơ cấu được một phần khoản nợ vay đến hạn (129,9 tỷ đồng) chuyển sang dài hạn nên đã giảm bớt được áp lực trả nợ trong năm và các năm tiếp theo.

III. Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban TGD:

- Trong năm 2022, HĐQT tổ chức 04 cuộc họp thường kỳ vào đầu các quý và 03 phiên họp bất thường theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông linh hoạt. HĐQT

đã ban hành 59 văn bản gồm các quyết định, nghị quyết, văn bản, chỉ thị mang tính chiến lược với các mục tiêu kế hoạch dài hạn và tổ chức các cuộc họp đột xuất để chỉ đạo, giám sát việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với tình hình thực tế;

- HĐQT nghiêm túc thực hiện việc công bố các báo cáo quản trị, báo cáo thường niên và bất thường khác theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;

- HĐQT đã chỉ đạo việc thu hồi công nợ, các thành viên HĐQT đã trực tiếp hỗ trợ Công ty trong việc thu hồi công nợ khó đòi. Do vậy, trong năm 2022, nợ phải thu và phải thu khó đòi đã giảm đáng kể. Tuy nhiên, giá trị công nợ phải thu và dở dang vẫn còn lớn;

- Mặc dù gặp nhiều khó khăn, HĐQT và Ban TGD đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và điều chỉnh kế hoạch từng quý cho phù hợp với tình hình thực tế: chủ động làm việc với chủ đầu tư để tháo gỡ vướng mắc, khó khăn; tổ chức thi công đảm bảo chất lượng, tiến độ; tập trung thu hồi công nợ, dở dang, ...;

- Trong các tài liệu được cung cấp, Ban Kiểm soát chưa nhận thấy có hợp đồng, giao dịch nào với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ;

- Trong năm 2022, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào liên quan đến các chức danh quản lý trong Công ty;

- Công tác tái cấu trúc, thoái vốn các khoản đầu tư tài chính chưa thực hiện được theo kế hoạch;

- Công ty chưa thực hiện chi trả cổ tức năm 2017, 2018, 2019, 2021 cho các cổ đông và còn chậm trong việc chi trả lương, thanh toán chế độ khác cho người lao động.

IV. Kiến nghị:

Để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Kiểm soát đề nghị HĐQT và Ban TGD:

- Chú trọng nâng cao năng lực quản trị, năng lực tổ chức quản lý thi công. Tăng cường hoạt động thống kê, nâng cao chất lượng công tác hạch toán kế toán. Phân tích đánh giá đầy đủ và toàn diện tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các biện pháp giảm giá thành để nâng cao năng lực cạnh tranh, đấu thầu;

- Xây dựng kế hoạch và tiếp tục tăng cường thu hồi công nợ phải thu khách hàng theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. HĐQT tiếp tục sát sao chỉ đạo và cùng Ban TGD tích cực thu hồi công nợ, đặc biệt công nợ khó đòi. Phân tích các khoản công nợ tạm ứng, nợ cá nhân và quyết liệt thu hồi công nợ đảm bảo đáp ứng tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Ban TGD tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng để tái cấu trúc khoản vay và tái cấp hạn mức tín dụng đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và trả nợ theo kế hoạch;
- Xây dựng phương án khả thi tái cấu trúc các khoản đầu tư tài chính, thanh lý các tài sản hư hỏng không sử dụng theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tổ chức tốt công tác quản lý, giám sát việc ký kết và thực hiện hợp đồng xây dựng; rà soát, đánh giá năng lực các bên liên quan của tất cả các hợp đồng thi công các công trình, với chủ đầu tư và các nhà thầu để đảm bảo thực hiện đúng các quy định về Luật đấu thầu, Luật xây dựng và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn và các quy định pháp luật, quy định nội bộ hiện hành về hợp đồng xây dựng, hợp đồng với các nhà thầu phụ. Theo dõi sát sao tình hình thực hiện hợp đồng (tiến độ thi công, thanh toán,...) để có biện pháp ngăn ngừa rủi ro và xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh;
- Chi trả tiền lương cho người quản lý, người lao động gắn với năng suất, hiệu quả. Đảm bảo chi trả kịp thời tiền lương và các chế độ khác cho người lao động;
- Xây dựng lộ trình chi trả cổ tức năm 2017, 2018, 2019, 2021 cho các cổ đông;
- Thực hiện tốt công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và cảnh báo sớm; tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung một số quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và định hướng phát triển của Công ty;
- Kịp thời khắc phục những vấn đề tồn tại theo yêu cầu của các cơ quan thanh, kiểm tra.

V. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023:

1. Giám sát HĐQT, Ban TGD trong việc thực hiện trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp;
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo: báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng và năm; báo cáo tài chính bán niên và năm; báo cáo công tác quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị.
4. Trình báo cáo thẩm định, báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
5. Xem xét, kiểm tra sổ sách kế toán, hạch toán kế toán và các tài liệu khác; công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.



6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác (khi được mời tham dự).
8. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông/nhóm cổ đông.
9. Giám sát tình hình tài chính, việc tuân thủ pháp luật của người quản lý Công ty và Người đại diện phần vốn của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết.
10. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.


Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, Ban TGD;
- KSV;
- Lưu BKS, VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Thu Phương